TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Dung và bà Vũ Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: ông Phạm Lã Việt Anh - kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2023, tại hội T xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Uông Bí, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984;
- Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1978;

Cùng trú tại tổ 32, khu Phú Thanh Tây, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Y, về chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 28/02/2023, chị H nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh T.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nộp đến tòa án, chị H trình bày quan điểm như sau: Chị và anh Phạm Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Y, về chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T là người mải chơi không quan tâm đến vợ con, nhiều lúc còn có hành động vũ phu với vợ. Chị H cảm thấy cuộc sống hôn nhân rất mệt mỏi, nhiều năm nay chị muốn ly hôn nhưng vì nghĩ đến con cái nên cố gắng tiếp tục chung sống, đến gần đây chị cảm thấy thật sự không còn tình cảm với anh T nữa nên nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh T.

Về con chung: Có 02 cháu là Phạm Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2004 (đã thành niên) và Phạm Việt H, sinh ngày 21/02/2009. Chị H đề nghị được nuôi cháu H đến khi thành niên và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Chị H đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do bận công việc không đi lại nhiều lần được nên chị đã nộp đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Phạm Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, vắng mặt tại buổi hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không lý do.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 19/4/2023, cháu Phạm Việt H trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 07/4/2023, khu trưởng khu Phú Thanh Tây, phường Y, thành phố Uông Bí cung cấp thông tin như sau: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Y, về chung sống đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 28/02/2023, chị H nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh T, đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm Q. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T;

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Việt H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H;

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt hai lần không lý do, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Y, về chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 28/02/2023, chị H nộp đơn đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị H và anh T đã không làm được điều này, hai người đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, từ khi chị H nộp đơn ly hôn đến nay, anh T dù được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do, điều này cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị H và anh T đã thật sự không thể hàn gắn, tình cảm giữa hai bên đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: có 02 cháu là Phạm Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2004 (đã thành niên) và Phạm Việt H, sinh ngày 21/02/2009. Theo hồ sơ vụ án thể hiện, chị H hiện nay đang có việc làm ổn định tại Công ty TNHH Regina Miracle International Vietnam, cháu H cũng có ý kiến trình bày muốn ở với mẹ, anh T không có quan điểm về con chung, vì vậy, việc giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ thực tế, phù hợp quy định pháp luật. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không buộc anh T phải cấp dưỡng. Đối với cháu Q hiện đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đỗ Thị H về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Việt H (sinh ngày 21/02/2009) cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2023) đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Anh T có Q và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007028 ngày 14/3/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về Q kháng cáo của các đương sự: Chị Đỗ Thị H và anh Phạm Văn T có Q kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND p. Y;*
- *VKSND Tp. Uông Bí;*
- *Chi cục THADS Uông Bí;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Anh Đức